TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2025/DS-PT
Ngày: 27-5-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng

Ông Nguyễn Thuận Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 21, 27 tháng 05 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLPT- DS ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 365/2024/DS-ST ngày 27 tháng 09 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Võ Phước B, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 32 đường Tăng Bạt Hổ, khóm Đông Thạnh A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông B: ông Đào Công Nghiêm, sinh năm 1989. Địa chỉ: số 316 ấp Hòa Thạnh, xã Tân Thạnh, thị xã T, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: số 21/5 đường Ngô Quyền, khóm Bình Long 3, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Theo Giấy ủy quyền số 4052, ngày 17/06/2024 do Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc chứng nhận (có mặt).

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1989.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: số 240/5 hẻm Lê Văn Nhung, tổ 13, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ nơi ở hiện tại: đường số 5, Khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hổ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ cơ quan: số 960 đường Trần Hưng Đạo, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Phước Tiền, sinh năm 1992. Địa chỉ: số 231 tổ 2, khóm Long Hưng, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang là đại diện theo ủy quyền Theo hợp đồng ủy quyền số 3258, ngày 16/05/2024 do Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc chứng nhận (có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 39 đường Trần Cảnh, khóm Tây Khánh 4, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có yêu cầu vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Tấn S do ông Nguyễn Phước Tiền là đại diện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Võ Phước B do ông Đào Công Nghiêm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quan hệ quen biết, đồng nghiệp nhiều năm nên ông Võ Phước B cho ông Nguyễn Tấn S vay số tiền 500.000.000đ, lãi suất 0,5%/ngày. Thời hạn vay 4 ngày, từ 08/04/2024 đến 11/04/2024, mục đích cho vay để ông S đáo hạn ngân hàng. Đến hạn trả nợ, phía ông S không đồng ý thực hiện nghĩa vụ nên ông B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn S có nghĩa vụ trả số tiền gốc 500.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 08/04/2024 đến ngày trả xong các khoản tiền cho ông B.

Theo yêu cầu phản tố, phía ông B đồng ý trả số tiền 6.575.000đ, không đồng ý yêu cầu của ông S buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm và nghĩa vụ trả số tiền vốn, lãi cho ông B do bà T không vay tiền của ông B.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn S do ông Nguyễn Phước Tiền đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Võ Phước B và bà Nguyễn Thị Thu T có mối quan hệ đồng nghiệp cùng là nhân viên ngân hàng. Do nhu cầu của bà T cần huy động nguồn tiền để đáo hạn nên bà T có thông tin cho ông S biết và yêu cầu (nhờ) S giới thiệu tìm người cho bà T vay, ông S giới thiệu bà T cho ông B và các bên tự giao dịch cho vay tiền với nhau, ông S không liên quan. Cụ thể: vào ngày 01/04/2024 thông qua ứng dụng Zalo bà T nhắn tin cho ông S với nội dung: Ngày 08/04 lấy 500.000.000đ, ngày 11/04 trả, nên ngày 08/04/2024 ông B chuyển khoản cho ông S số tiền 499.999.999đ và cùng ngày ông S chuyển số tiền cho bà T.

Khi bà T nhận số tiền của ông B cho vay do ông S là người trung gian chuyển khoản, phía bà T cố ý chiếm đoạt nên phát sinh tranh chấp. Với tư cách

là người trung gian giới thiệu cho bà T gặp ông B để vay tiền, ông S chỉ hưởng tiền huê hồng, nên có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở bà T trả tiền cho ông B, ngoài ra không có nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T.

Ông S có yêu cầu phản tố: Bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phước B. Yêu cầu tuyên xử buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm và nghĩa vụ trả số tiền gốc 500.000.000đ, lãi suất 1,66%/tháng (kể từ ngày 08/04/2024 đến ngày trả xong các khoản) cho ông Võ Phước B. Tuyên xử buộc ông Võ Phước B có trách nhiệm và nghĩa vụ trả số tiền 6.575.000đ cho ông Nguyễn Tấn S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T có bản tự khai ngày 12/07/2024 trình bày: Ngày 08/04/2024 bà T có vay số tiền 500.000.000đ của ông Nguyễn Tấn S B hình thức nhận chuyển khoản đến nay chưa trả tiền vốn, lãi cho ông S, bà T không giao dịch vay mượn tiền của ông B bà cũng không quen biết ông B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 365/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; 233, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phước B đối với ông Nguyễn Tấn S. Buộc ông Nguyễn Tấn S trả cho ông Võ Phước B số tiền 535.577.749đ. Trong đó, tiền vốn 494.531.666đ, tiền lãi 41.046.128đ.

-Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn S đối với ông Võ Phước B về yêu cầu:

+Bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phước B.

+Yêu cầu Tòa án tuyên xử buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm và nghĩa vụ trả số tiền gốc 500.000.000đ, lãi suất 1,66%/tháng (kể từ ngày 08/04/2024 đến ngày trả xong các khoản) cho ông Võ Phước B.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn S đối với ông Võ Phước B về việc yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả lại số tiền 5.468.334đ cho ông S, nhưng khấu trừ số tiền vốn 500.000.000đ do ông S còn nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày18/10/2024 ông Nguyễn Phước Tiền là đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Tấn S kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do cấp sơ thẩm buộc ông S phải trả số tiền 535.577.749đ là chưa phù hợp không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu huỷ và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do hiện ông S đã có yêu cầu xử lý hình sự đối với bà T. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện nguyên đơn có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bị đơn là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 365/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L và bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện bị đơn ông Nguyễn Phước Tiền làm đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của đại diện bị đơn ông Nguyễn Phước Tiền Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Theo Hợp đồng vay 08/04/2024, có chữ ký của ông S với nội dung S có vay của ông Võ Phước B số tiền 500.0000.000đ thời hạn vay từ ngày 08/04/2024 đến ngày 11/04/2024 và ông S cũng thừa nhận có ký tên vào biên nhận trên và có nhận chuyển khoản từ ông B 500.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, có làm giấy tờ phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, ông S đã nhận đủ tài sản vay 500.000.000đ do ông B chuyển khoản là có thật. Theo bị đơn cho rằng ông S chỉ là người trung gian giới thiệu bà T cho ông B, vì bà T cần vay tiền, tuy nhiên ông B không thừa nhận với lời trình bày

của ông S, ông B xác định ông S là người trực tiếp thỏa thuận và ký vay tiền trong hợp đồng, sau khi ký hợp đồng vay thì ông B chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản cho ông S. Mặt khác bà T cũng có bản tự khai ngày 12/07/2024 trình bày bà có vay số tiền 500.000.000đ của ông S, bà không vay tiền của ông B và bà cũng không quen biết ông B. Ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông là người trung gian giới thiệu bà T cho ông B để vay tiền và cũng không có chứng cứ nào thể hiện bà T có ký nhận vay tiền của ông B, nên lời trình bày của ông S không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông S phải có trách nhiệm trả số tiền vốn vay 500.000.000đ theo Theo Hợp đồng vay 08/04/2024 đã vay của ông B là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật.

Về tiền lãi: Ông B yêu cầu tính mức lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền vốn 500.000.000đ, thời gian tính từ ngày 04/08/2024 đến ngày 11/08/2024. Theo yêu cầu mức lãi suất 1,66%tháng đối với số tiền vốn 500.000.000đ với số tiền lãi 1.106.666đ (500.000.000đ x 1,66%tháng x 4 ngày từ ngày 08/04/2024 đến ngày 11/04/2024); Ông B tự nguyện khấu trừ số tiền đã nhận 6.575.000đ – 1.106.666đ = 5.468.334đ, do đó trừ vào tiền vốn 500.000.000đ nên số tiền vốn còn lại 494.531.666đ x 1,66%/tháng x 5 tháng 15 ngày (làm tròn 5 tháng), tiền lãi được tính là 41.046.128đ. Tổng số tiền vốn, lãi: 535.577.749đ . Do tiền lãi đã nhận ông B tự nguyện khấu trừ vào số tiền vốn cho ông S nên cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ

Đại diện bị đơn Nguyễn Tấn S là ông Nguyễn Phước Tiền kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do cấp sơ thẩm buộc ông S phải trả số tiền 535.577.749đ là chưa phù hợp không có căn cứ và thêm lý do hiện nay ông S đã có yêu cầu xử lý hình sự đối với bà T, nhưng lại không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện bị đơn ông Nguyễn Phước Tiền, do đó giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn S về việc yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 365/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phước B đối với ông Nguyễn Tấn S. Buộc ông Nguyễn Tấn S trả cho ông Võ Phước B số tiền 535.577.749đ *(Năm trăm ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bốn mươi chín đồng)* Trong đó, tiền vốn 494.531.666đ (*Bốn trăm chín mươi bốn triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng),* tiền lãi 41.046.128đ *(Bốn mươi mốt triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm hai mươi tám đồng)*

- Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn S đối với ông Võ Phước B về yêu cầu:

+Bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Phước B.

+Yêu cầu Tòa án tuyên xử buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm và nghĩa vụ trả số tiền gốc 500.000.000đ, lãi suất 1,66%/tháng (kể từ ngày 08/04/2024 đến ngày trả xong các khoản) cho ông Võ Phước B.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Tấn S đối với ông Võ Phước B về việc yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả lại số tiền 5.468.334đ *(Năm triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng)* cho ông S, nhưng khấu trừ số tiền vốn 500.000.000đ do ông S còn nợ.

2. Về án phí:

2.1 Án phí sơ thẩm:

+ Nguyên đơn ông Võ Phước B được nhận lại số tiền 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002013, ngày 09/05/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố L.

+ Bị đơn ông Nguyễn Tấn S phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 25.423.109đ nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo Biên lai thu số 0002320 và số tiền 329.000đ theo Biên lai thu số 0002321, cùng ngày 04/07/2024. Sau khi khấu trừ ông S phải nộp thêm số tiền 24.794.109đ *(Hai mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn một trăm lẻ chín đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

2.2 Án phí phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Tấn S phải chịu số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002373 ngày 26/02/2025 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TANDL;
- Chi cục THA-DS L;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Hằng